TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2020/HS-ST.
Ngày: 28/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Nhâm**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Trần Thị Oanh**

Ông Trần Quốc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 114/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo: **Lê Văn T,** Sinh năm: 1998; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh T; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: sinh viên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Văn K và bà: Đỗ Thị T; Bị cáo chưa có vợ con;
Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo đầu thú. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Chị Lê Thị Hà T, sinh năm: 1998; Nơi ĐKHKTT: thôn T, xã T, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: Ngõ 70; Tổ 2; thôn T, phường P, quận N, thành phố H.(vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Vũ Công H, sinh năm 1977: Địa chỉ: 151 X, phường D, quận C, thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Lê Văn T và chị Lê Thị Hà T (sinh năm: 1998, nơi cư trú: thôn H, xã T, tỉnh T) là bạn bè cùng quê và đều là sinh viên ở cùng khu trọ tại tổ 2, phường P, quận N, thành phố H. Ngày 23/12/2019, Lê Văn T hỏi mượn chị T chiếc xe máy Honda Airblade BKS: 36B2-349.69 để đi lại, chị T đồng ý và giao cho T xe máy trên cùng chùm chìa khóa (gồm chìa khóa điện và chìa khóa bánh xe chữ U). Sau khi mượn được xe máy, do thiếu tiền chi tiêu nên T đã nảy sinh ý định sẽ chiếm đoạt chiếc xe máy này của chị T. T sau đó đã đi thuê làm thêm 01 bộ chìa khóa xe (gồm chìa khóa điện và chìa khóa bánh xe chữ U) từ người thợ khóa dạo cất giấu trong người để chờ có cơ hội thì sẽ trộm cắp xe của chị T. T sử dụng xe đến ngày 26/12/2019, thì mang xe máy cùng chùm chìa khóa của xe trả cho chị T.

Khoảng 02 giờ 45 phút ngày 30/12/2019, T đi chơi về phòng trọ thấy mọi người trong khu trọ đang ngủ và thấy chiếc xe máy Honda Airblade, BKS: 36B2-349.69 của T đang để trong nhà xe nên T dùng chìa khóa đã đánh thêm trước đó mở khóa bánh xe của chị T và dắt xe ra ngoài đường sau đó nổ máy điều khiển bỏ đi chơi điện tử. Đến khoảng 09 giờ ngày 30/12/2019, T mở cốp xe kiểm tra thấy có giấy chứng nhận đăng ký xe bên trong nên T mang xe máy cùng đăng ký xe đến số 151 đường X, quận C, thành phố H cầm cố cho anh Vũ Công H (SN: 1977, HKTT: phường B, quận T, thành phố H) được 9.000.000đồng, số tiền này T đã chi tiêu cá nhân hết. Khi cầm cố xe máy, T nói với anh H đây là xe của mẹ T cho T sử dụng.

Ngày 30/12/2019, chị Lê Thị Hà T đến Công an phường P trình báo về việc bị trộm cắp tài sản.

Ngày 31/12/2019, T nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã đến Công an phường P đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Dẫn giải T đi xác định nơi cầm cố tài sản, Cơ quan điều tra đã thu giữ được vật chứng do anh Vũ Công H giao nộp, gồm: 01 xe máy Honda Airblade, BKS: 36B2-349.69; 01 giấy đăng ký xe máy mang tên Trương Thị H; 02 chìa khóa (gồm chìa khóa điện và chìa khóa bánh xe chữ U).

Cơ quan điều tra đã thu giữ của Lê Văn T: 01 điện thoại Galaxy A9s; 01 điện thoại Nokia màu đen và 01 điện thoại OPPO màu đen.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 03 ngày 06/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự quận N, xác định: 01 xe máy Honda Airblade, BKS: 36B2-349.69 trị giá: 12.000.000đồng.

Ngày 16/01/2020, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe máy Honda Airblade, BKS: 36B2-349.69 cùng giấy đăng ký xe máy mang tên Trương Thị H (là mẹ đẻ của chị T) cho chị Lê Thị Hà T.

Đối với 03 chiếc điện thoại thu giữ của T, quá trình điều tra xác định các điện thoại này không liên quan đến vụ án nên ngày 05/01/2020, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho Lê Văn T.

Đối với anh Vũ Công H do khi nhận cầm cố xe máy của Lê Văn T, anh H không biết là tài sản do T trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Về dân sự: Chị Lê Thị Hà T đã nhận lại tài sản nên không có yêu cầu gì về dân sự và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Lê Văn T.

Anh Vũ Công H đã nhận lại số tiền 9.000.000 đồng không có yêu cầu gì về dân sự .

Tại phiên tòa: Bị cáo khai nhận như nội dung cáo trạng nêu và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bản cáo trạng số: 113/QĐ-VKS - NTL ngày 21 tháng 4 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận N truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

* Đại diện Viện kiểm sát luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử xử Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 173; Điểm i, s, khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự phạt bị cáo Lê Văn T từ 6 đến 9 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố liên quan đến đến việc giải quyết vụ án (Về hành vi, các quyết định tố tụng), Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tiến hành đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015;

[2] Tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận: Khoảng 02 giờ 45 phút ngày 30/12/2019, tại khu nhà trọ thuộc tổ 2 phường P, quận N, thành phố H, Lê Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 xe máy Honda Airblade, BKS: 36B2-349.69 trị giá 12.000.000 đồng của chị Lê Thị Hà T. Hành vi trên của Lê Văn T đã phạm trộm cắp tài sản khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân

quận N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác nên; tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[3] Đánh giá về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo ăn năn hối cải, khai báo thành khẩn; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại điều 65 Bộ luật hình sự.

Về phần bồi thường dân sự: Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 65; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

+ Xử phạt bị cáo: Lê Văn T 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo án treo thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28.5.2020.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh T giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực

hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm .

3. Án xử công khai, sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án; Người bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

<u>Nơi nhận</u> :
- Bị cáo;
-Người bị hại
- Người liên quan
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TPHN;
- Công an quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Nhâm